TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2019/QĐST- HNGĐ	*Thanh Thủy, ngày 29 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Chử Thị M** - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu 6 xã P1, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Ông **Trần Văn N**, Sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 6 xã P1, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Trần Thị Ng** - SN 1990

Địa chỉ: Khu 6 xã Phượng Mao, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

2. Anh **Trần Văn C** - SN 1996

Địa chỉ: Khu 6 xã P1, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 Điều 33, Điều 38 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Chử Thị M** và ông **Trần Văn N.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về con chung:** Ông N xác nhận vợ chồng có 03 con chung:

Cháu Trần Thị Ng, sinh ngày 27/7/1990, cháu Trần Thị Ánh, sinh ngày 27/02/1993, cháu Trần Văn C, sinh ngày 07/3/1996. Hiện nay cả 03 cháu đã thành niên có việc làm cuộc sống ổn định. Khi ly hôn bà M và ông N không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Tài sản chung vợ chồng**: Bà Chử Thị M và ông Trần Văn N có 01 thửa đất

thổ cư thửa số 64, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.677,9 m2. Trong đó có 400 m2 đất ở và 6.277,9 m2 đất trồng cây lâu năm. Đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 193393. Cấp ngày 13/01/2014.

Năm 2018 Nhà nước thu hồi 1.285,1m2 đất để làm đường tỉnh lộ (Trong diện tích 6.677,9 m2). Đo thực tế diện tích đất còn lại là 5.501,3 m2, chưa cấp đổi lại GCNQSD đất. Bà M và ông N thỏa thuận thửa đất có giá trị 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Nay ông N, bà Mai thỏa thuận chia thửa đất có diện tích 5.501,3 m2 làm 4 phần gồm ông N, bà M, chị Ng, anh C như sạu:

*. Giao cho anh Trần Văn C được quyền sử dụng diện tích 1.526,3 m2 đất, trong đó có 80 m2 đất ở còn lại 1.446.3 m2 đất trồng cây lâu năm. Theo các chỉ giới 32, 1, 2, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32. (Có trích đo hiện trạng thửa đất ngày 17/10/2019 kèm theo).

*. Giao cho ông Trần Văn N được quyền sử dụng diện tích 750,2 m2 đất, phía trước thửa đất có đường quốc lộ đi qua có chỉ giới 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 33 và diện tích 1.849,8 m2 đất có chỉ giới 2, 3, 4, 5, 21, 22, 23, 24, 2 (Tổng diện tích đất ông Nam được hưởng là 2.600 m2) trên đất có 01 ngôi nhà ở xây cấp 4 và các công trình xây dựng khác trên đất. Trong đó có 200 m2 đất ở và 2.400 m2 đất trồng cây lâu năm. (Có trích đo hiện trạng thửa đất ngày 17/10/2019 kèm theo).

*. Giao cho bà Chử Thị M được quyền sử dụng 1.000 m2 trong đó có 70 m2 đất ở và 930 m2 đất trồng cây lâu năm. Theo các chỉ giới 5, 6, 7, 8, 9, 10, 17, 18, 19, 20, 21, 5 (Có trích đo hiện trạng thửa đất ngày 17/10/2019 kèm theo).

*. Giao cho chị Trần Thị Ng được quyền sử dụng 375 m2 trong đó có 50 m2 đất ở và 325 m2 đất trồng cây lâu năm. Trên đất có 01 ngôi nhà ở do chị Ng xây dựng. Theo các chỉ giới 10, 11, 12, 13, 14 ,15, 16, 17, 10. (Có trích đo hiện trạng thửa đất ngày 17/10/2019 kèm theo). Tại giấy chứng nhận QSD đất số BT 193393. Cấp ngày 13/01/2014.

Địa chỉ tại khu 6 xã P1, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đối với những tài sản khác ông N bà M tự thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

***. Nợ chung vợ chồng**: Bà Chử Thị M và ông Trần Văn N xác nhận vợ chồng không có nợ chung khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

***.Về án phí hôn nhân và án phí chia tài sản:**

Bà Chử Thị M tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà M phải chịu án phí chia tài sản và tự nguyện chịu phần án phí chia tài sản cho chị N và anh C số tiền 3.850.000đ. Xác nhận bà M đã nộp số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001619 ngày 29/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển 150.000đ sang án phí ly hôn và 3.850.000đ, án phí chia tài sản, trong đó án phí tài sản có bà Mai, chị Ngọc và anh Công.

Ông Trần Văn N phải chịu 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản trong vụ án ly hôn, tiền án phí ông Nam nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện, tỉnh.*
- *T.H.A. dân sự huyện*
- *UBND xã P1*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

BÙI KHOA HƯƠNG